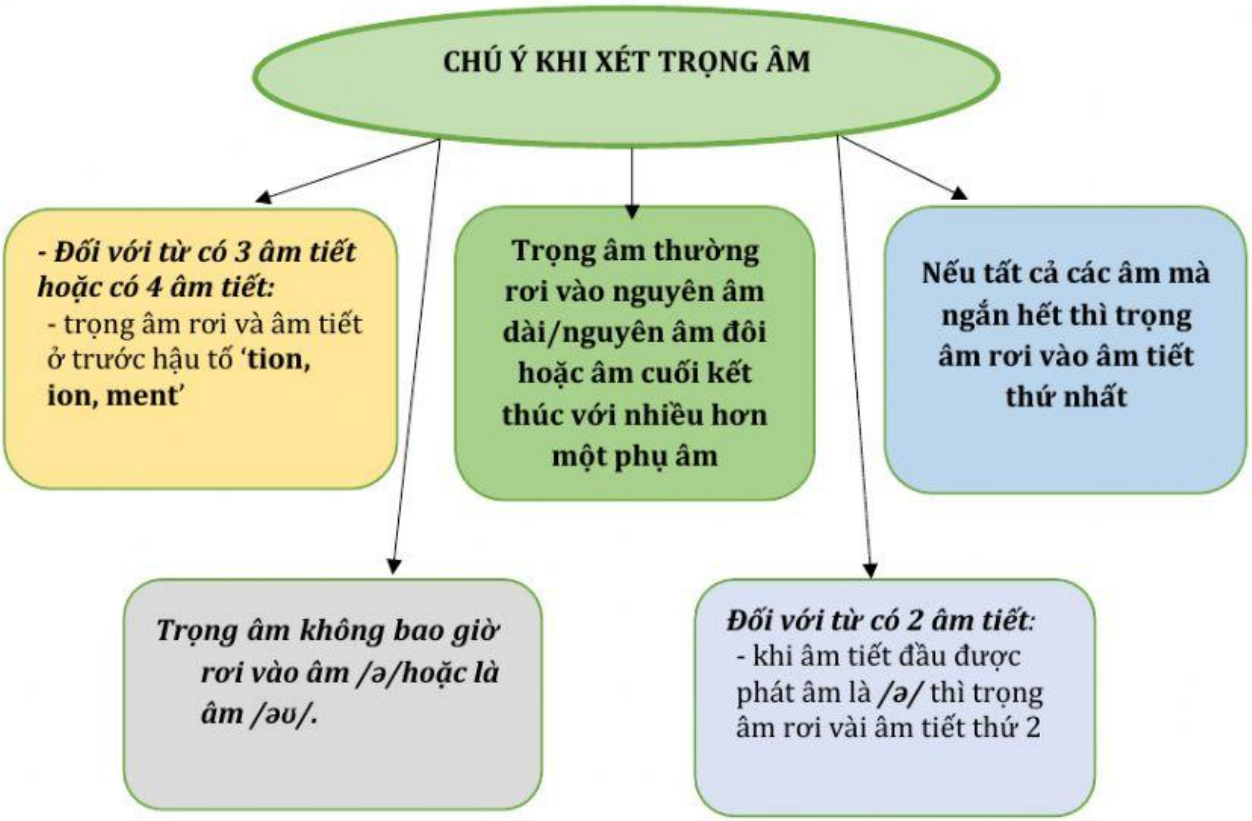
MODULE 2: STRESS

Tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm tiết. Những từ có hai âm tiết trở lên luôn có một âm tiết phát âm khác biệt hẳn so với những âm tiết còn lại về độ dài, độ lớn và độ cao. Âm tiết nào được phát âm to hơn, giọng cao hơn và kéo dài hơn các âm khác trong cùng một từ thì ta nói âm tiết đó được nhấn trọng âm. Hay nói cách khác, trọng âm rơi vào âm tiết đó.

Khi nhìn vào phiên âm của một từ thì trọng âm của từ đó được kí hiệu bằng dấu (') ở phía trước, bên trên âm tiết đó.

QUY TẮC CHUNG	VÍ DỤ	NGOẠI LỆ
1. Từ có 2 âm tiết: - *Danh từ hoặc tính từ: nhấn ở* ***âm tiết*** *đầu* - *Động từ: nhấn ở* ***âm tiết*** *cuối*	**can**dy, **re**ally, **ac**tive, **ca**rrot **dic**tate, **pre**sent, **ex**port, be**gin**, dic**tate**, pre**sent**, ex**port**, pre**vent**	ca**dec**, **lis**ten, **o**pen, gui**tar**, pa**trol**, **vis**it
2. Các từ tận cùng là: ***IC, ION, IA, IAL, IAN, IAR, IENCE, IENCY, IENT, IANCE, IUM, IOUS, EOUS, UOUS (nhấn trước nó 1 âm)***	eco**no**mic, re**vi**sion, co**lo**nial, mu**si**cian, fa**mi**liar, ex**pe**rience, ef**fi**cient, gym**na**sium, con**ti**nuous	a**rith**metic, **he**retic, a**ppli**ance
3. Các từ tận cùng là: ***OUS, ATE, TUDE, ITY, ETY, AL, LOGY, GRAPHY, METRY, NOMY, CY (nhấn trước nó 2 âm)***	ad**ven**turous, con**si**derate, **at**titude, ca**pa**city, va**ri**ety, me**cha**nical, as**tro**logy, pho**to**graphy, de**mo**cracy	in**car**nate, di**sas**trous
4.Các từ tận cùng là: ***ADE, EE, ESE, EER, OO, OON, ETTE, ESQUE,*** *trọng âm thường nhấn ở* ***vần cuối. (nhấn vào chính nó)***	employ**ee**, Vietna**mese**, engi**neer**, volun**teer**, bam**boo**, ba**lloon**, ciga**rette**, picture**sque**	**cen**tigrade, **com**mittee, **o**verseer
5. Danh từ kép, *trọng âm rơi vào* ***âm tiết đầu***	**black**bird, **green**house	
6. Tính từ kép, động từ kép, *trọng âm rơi vào* ***âm tiết thứ hai***	bad-**tem**pered, old- **fa**shioned under**stand**, over**flow**	

LIVEWORKSHEETS



LIVEWORKSHEETS